

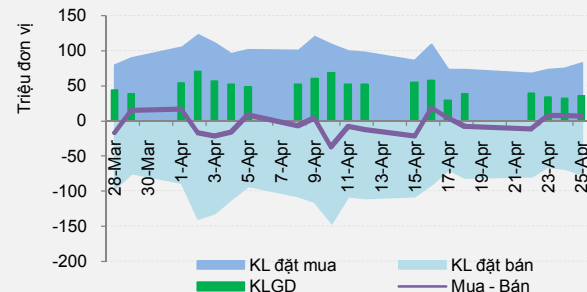
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 25/4/2013

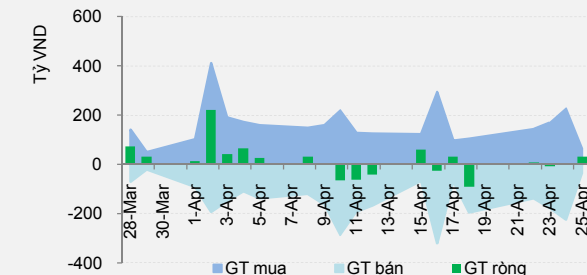
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	476.6	58.7
% Thay đổi	↑ 0.8%	↑ 0.7%
KLGD (CP)	35,907,210	24,558,245
GTGD (tỷ đồng)	467.55	194.39
Tổng cung (CP)	75,409,890	51,605,700
Tổng cầu (CP)	82,302,230	53,705,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,840,170	836,866
KL mua (CP)	2,851,140	1,627,366
GTmua (tỷ đồng)	63.27	24.70
GT bán (tỷ đồng)	33.11	15.16
GT ròng (tỷ đồng)	30.16	9.53

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.52%	7.3	1.4	1.2%
Công nghiệp	↑ 0.95%	15.2	0.9	17.2%
Dầu khí	↑ 1.14%	5.6	1.0	3.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.93%	8.1	1.4	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.64%	7.3	2.3	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.39%	12.7	5.3	16.0%
Ngân hàng	↑ 1.76%	5.6	1.4	7.2%
Nguyên vật liệu	↑ 0.34%	8.1	2.1	15.5%
Tài chính	↑ 1.53%	23.0	2.5	30.3%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.61%	9.9	3.3	7.0%
VN - Index	↑ 0.78%	13.3	3.1	71.1%
HNX - Index	↑ 0.72%	13.9	1.4	28.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Thị trường tiếp tục có phiên phục hồi với mức tăng nhẹ. Tuy nhiên với mức tăng nhẹ trên cả điểm số cũng như khối lượng của cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index thì thị trường vẫn chưa cho tín hiệu phục hồi vững chắc vì vậy việc giải ngân vào giai đoạn hiện tại vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 476.59 điểm, tăng 3.7 điểm tương ứng với mức 0.78% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 35.47 triệu đơn vị, tăng 17.39% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 58.69 điểm, tăng 0.42 điểm tương ứng với mức 0.72% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 22.97 triệu đơn vị, tăng 33.5% so với phiên trước.

- Ngoại trừ GAS và HSG giảm điểm nhẹ thì đa số cổ phiếu có vốn hóa lớn đều tăng điểm với mức tăng nhẹ. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như VNM tăng 0.8%, BVH tăng 1.77%, VCB tăng 3.01%...

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết tính đến ngày 20/4, cả nước có 341 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký gần 4,9 tỷ USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2012 và 121 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 3,34 tỷ USD, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2012.

- Tính chung trong bốn tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm là trên 8,2 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2012. Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 3,75 tỷ USD, tăng 3,9% với cùng kỳ năm 2012.

- Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với 164 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 7,4 tỷ USD, chiếm 90,2% tổng vốn đầu tư đăng ký.

- Một số dự án lớn được cấp phép trong bốn tháng đầu năm là dự án Công ty trách nhiệm hữu hạn lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa) của nhà đầu tư Nhật Bản điều chỉnh tăng vốn đầu tư 2,8 tỷ USD; dự án Công ty trách nhiệm hữu hạn Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên của nhà đầu tư Singapore với tổng vốn đầu tư 2 tỷ USD để sản xuất và lắp ráp các sản phẩm điện tử và Dự án Công ty trách nhiệm hữu hạn Bus Industrial Center của nhà đầu tư Liên bang Nga với tổng vốn đầu tư 1 tỷ USD để xây dựng nhà máy lắp ráp và sản xuất phụ tùng xe ô tô buýt và các dịch vụ hỗ trợ khác tại Bình Định...

- Nhật Bản là quốc gia dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm trên 3,6 tỷ USD, chiếm 44,2% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Singapore đứng vị trí thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 2,3 tỷ USD, chiếm 28,4% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Liên bang Nga đứng vị trí thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 1,1 tỷ USD, chiếm 12,4% tổng vốn đầu tư./.

- Mức chênh lệch vẫn giữ mức cao giữa giá vàng thế giới và giá vàng trong nước là 5,2 triệu đồng/lượng, (nếu quy đổi theo giá USD tự do sáng nay, chưa tính chi phí liên quan, tương đương 37,15 triệu đồng/lượng, thấp hơn giá vàng SJC bán lẻ 5,2 triệu đồng/lượng giảm 600 nghìn đồng/lượng so với hôm qua), đang tạo sức ép lên tỷ giá. Báo giá USD tại Ngân hàng Vietcombank sáng nay ở mức 20.910 đồng (mua vào) và 20.960 đồng (bán ra), tăng 10 đồng mỗi USD so với sáng qua ở cả hai chiều mua vào và bán ra. Tỷ giá USD tự do tại Hà Nội sáng nay phổ biến ở mức 21.310-21.320 đồng (mua vào) và 21.380-21.390 đồng (bán ra), tăng 10 đồng so với sáng hôm qua.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 476.59 điểm, tăng 3.7 điểm tương ứng với mức 0.78% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục có phiên phục hồi với mức tăng nhẹ. Tuy nhiên với mức tăng nhẹ trên cả điểm số cũng như khối lượng thì chỉ số VN-Index vẫn chưa cho tín hiệu phục hồi vững chắc vì vậy việc giải ngân vào giai đoạn hiện tại vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 58.69 điểm, tăng 0.42 điểm tương ứng với mức 0.72% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideways với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục có phiên phục hồi với mức tăng nhẹ. Tuy nhiên với mức tăng nhẹ trên cả điểm số cũng như khối lượng thì chỉ số HNX-Index vẫn chưa cho tín hiệu phục hồi vững chắc vì vậy việc giải ngân vào giai đoạn hiện tại vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường quay trở lại diễn biến giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp. Với thực tế động lực thị trường yếu, chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Chúng tôi cũng bảo lưu đánh giá nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu tăng dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có kế hoạch cổ tức năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
MSN	0	-	86,391	2,087	20,201	3.49%	8.47%	52.22	7,999	1.31	5.40	-
VIC	0	-	168,879	2,041	15,071	3.44%	18.42%	29.89	3,974	0.54	4.05	-
PVI	58	-60.84%	18,187	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.60	3,323	0.50	0.60	-
BVH	0	-	422,851	1,981	17,802	3.00%	11.34%	22.81	3,184	1.96	2.54	-
HAG	0	-	760,379	645	18,150	1.23%	3.65%	32.72	2,881	1.62	1.16	-
GMD	0	-	502,982	944	40,143	1.52%	2.40%	31.90	2,471	1.55	0.75	-
HPG	0	-	685,324	2,385	19,294	5%	13%	11.20	2,207	1.42	1.38	2,000
KDC	0	-	58,435	2,239	25,076	6.24%	9.02%	21.08	2,190	0.26	1.88	-
PVD	0	-	250,226	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.76	1,382	1.33	1.19	-
VNM	1,640	29.09%	330,487	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.91	1,277	0.94	6.73	-

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
MSN	0	-	86,391	2,087	20,201	3.49%	8.47%	52.22	5,967	1.31	5.40	-
VNM	1,640	29.09%	330,487	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.91	5,199	0.94	6.73	-
GAS	2,585	12.06%	868,078	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.53	5,072	1.04	3.80	-
FPT	321	-5.73%	244,204	5,670	22,574	10.57%	26.32%	6.54	3,181	0.94	1.64	-
PVD	0	-	250,226	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.76	2,043	1.33	1.19	-
DPM	538	-41.79%	565,791	7,983	23,579	30.36%	35.11%	5.24	1,975	1.25	1.77	-
BVH	0	-	422,851	1,981	17,802	3.00%	11.34%	22.81	1,726	1.96	2.54	-
PVS	241	2.66%	601,900	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.11	1,568	0.64	0.63	-
HAG	0	-	760,379	645	18,150	1.23%	3.65%	32.72	1,497	1.62	1.16	-
HPG	0	-	685,324	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.20	1,393	1.42	1.38	2,000

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ KẾ HOẠCH TRẢ CỔ TỨC NĂM 2013 CAO NHẤT

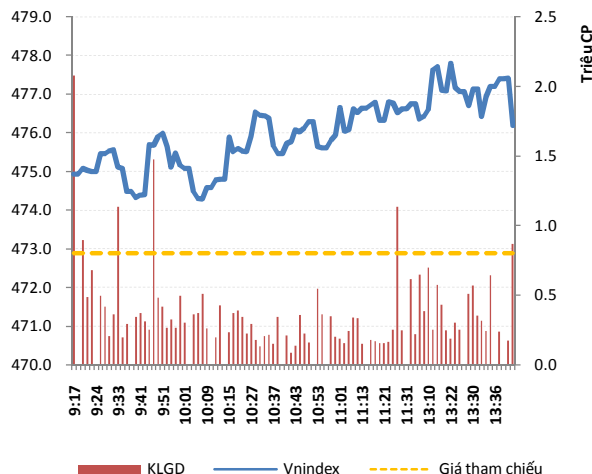
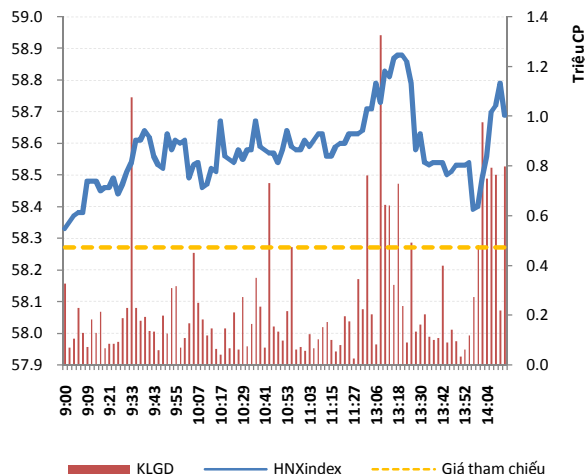
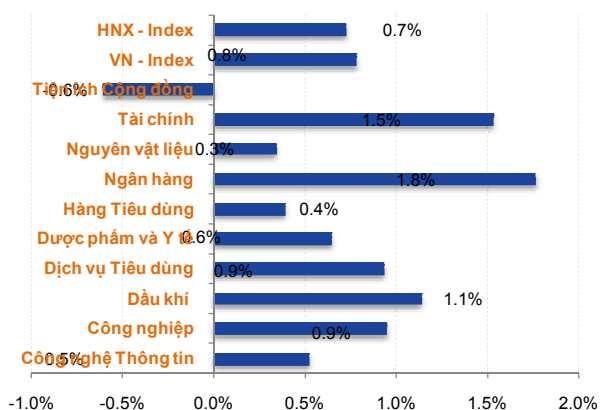
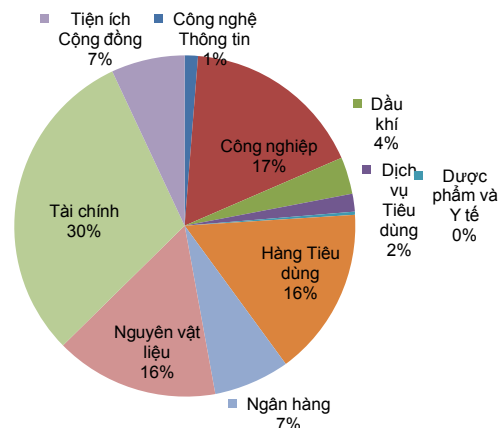
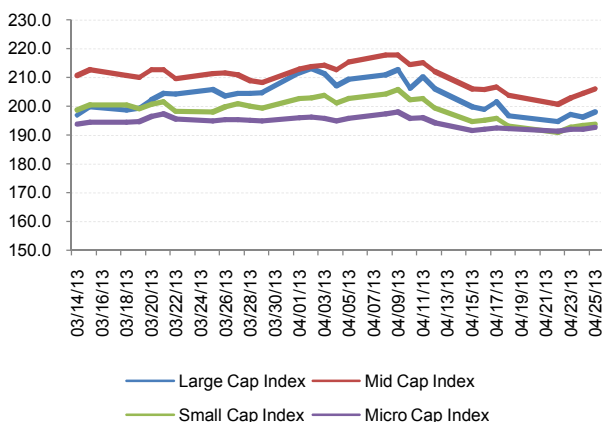
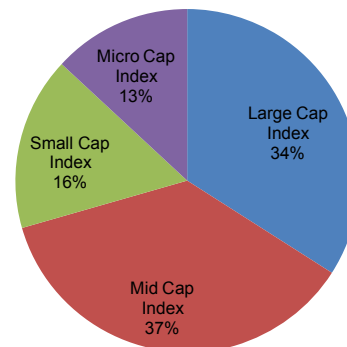
Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
PHR	228	34.85%	124,128	7,587	24,897	19.44%	31.78%	3.98	1	0.51	1.21	3,000
NSC	16	-14.12%	9,143	7,793	26,687	20.54%	32.20%	8.47	0	0.68	2.47	3,000
TRC	0	-	11,157	11,613	43,444	23.13%	28.20%	4.24	0	0.42	1.13	3,000
DRL	8	0.01%	2,108	4,109	11,509	31.42%	33.36%	5.96	0	0.39	2.13	3,000
SEB	15	-33.77%	3,200	5,023	15,967	17.80%	33.03%	5.08	1	0.08	1.60	2,600
C47	3	-52.34%	5,280	2,686	19,440	1.47%	13.92%	5.99	9	-0.44	0.83	2,500
KSB	0	-	12,807	5,021	24,831	13.42%	20.75%	4.26	1	0.53	0.86	2,500
HRC	1	-96.58%	629	5,141	28,060	13.91%	18.88%	9.73	0	-0.06	1.78	2,500
HAI	9	-46.57%	227	2,769	23,684	6.97%	12.51%	7.51	1	0.61	0.88	2,000
CAP	3	149.60%	7,557	13,233	28,237	22.60%	52.16%	4.57	1	0.47	2.14	2,000

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 24/04/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PET	345,930	ITA	208,080
2	PPC	247,950	HAG	191,710
3	KBC	185,310	OGC	174,540
4	VSH	179,000	EIB	140,500
5	HPG	151,620	GMD	124,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	610,200	KLS	505,300
2	PVC	442,600	DXP	12,900
3	VNR	79,500	EBS	10,000
4	PGS	72,000	VCG	10,000
5	TNG	65,000	CMS	9,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.3	6.4	↑ 1.59%	3,031,770
LCG	5.5	5.8	↑ 5.45%	1,494,800
KSS	6.0	6.4	↑ 6.67%	1,388,500
KMR	2.5	2.4	↓ -4.00%	1,388,130
HQC	4.8	5.1	↑ 6.25%	1,337,710

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.5	6.6	↑ 1.54%	3,115,600
PVX	4.4	4.5	↑ 2.27%	2,898,940
SCR	6.4	6.6	↑ 3.12%	2,736,600
KLS	8.2	8.1	↓ -1.22%	1,827,950
PVC	14.2	14.6	↑ 2.82%	1,321,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.4	1.5	0.1	↑ 7.14%
SCD	15.8	16.9	1.1	↑ 6.96%
AGF	19.0	20.3	1.3	↑ 6.84%
SSC	35.5	37.9	2.4	↑ 6.76%
HLG	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
FDT	29.0	31.9	2.9	↑ 10.00%
SRA	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
B82	9.1	10.0	0.9	↑ 9.89%
ITQ	15.2	16.7	1.5	↑ 9.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HRC	50.0	46.5	-3.5	↓ -7.00%
TNA	22.9	21.3	-1.6	↓ -6.99%
AGD	53.5	49.8	-3.7	↓ -6.92%
LHG	13.4	12.5	-0.9	↓ -6.72%
SVT	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
S12	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
NST	10.2	9.2	-1.0	↓ -9.80%
DXP	63.6	57.4	-6.2	↓ -9.75%
HPR	14.5	13.1	-1.4	↓ -9.66%
SAP	10.7	9.7	-1.0	↓ -9.35%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	3,031,770	0.6%	71	89.7	0.5
LCG	1,494,800	-3.2%	(648)	-	0.3
KSS	1,388,500	0.7%	109	58.8	0.4
KMR	1,388,130	-0.4%	(52)	-	0.2
HQC	1,337,710	3.1%	581	8.8	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	3,115,600	22.0%	2,761	2.4	0.6
PVX	2,898,940	-47.8%	(3,714)	-	0.6
SCR	2,736,600	4.0%	622	10.6	0.4
KLS	1,827,950	0.4%	55	148.1	0.6
PVC	1,321,100	19.1%	3,737	3.9	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 7.1%	-107.8%	(7,310)	(0.2)	0.5
SCD	↑ 7.0%	14.9%	2,964	5.7	0.8
AGF	↑ 6.8%	5.2%	2,657	7.6	0.4
SSC	↑ 6.8%	27.5%	4,582	8.3	2.1
HLG	↑ 6.7%	0.1%	7	928.1	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HHL	↑ 12.5%	-132.8%	(3,966)	(0.2)	0.5
FDT	↑ 10.0%	1.2%	197	162.1	2.0
SRA	↑ 10.0%	-25.0%	(2,585)	(0.9)	0.2
B82	↑ 9.9%	11.1%	1,668	6.0	0.7
ITQ	↑ 9.9%	0.8%	79	210.5	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	345,930	15.3%	2,709	6.3	1.0
PPC	247,950	14.2%	1,587	13.0	1.6
KBC	185,310	-10.4%	(1,503)	-	0.5
VSH	179,000	9.8%	1,153	10.9	1.1
HPG	151,620	12.8%	2,385	11.4	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	610,200	22.0%	2,761	2.4	0.6
PVC	442,600	19.1%	3,737	3.9	0.9
VNR	79,500	11.2%	2,537	7.9	0.9
PGS	72,000	21.6%	4,445	4.1	0.8
TNG	65,000	11.3%	1,789	4.4	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	105,024	41.6%	6,981	18.0	6.8
GAS	102,330	38.7%	5,175	10.4	3.8
MSN	74,914	8.5%	2,087	52.2	5.4
VCB	63,497	12.5%	2,236	12.3	1.5
VIC	57,545	18.4%	2,041	30.4	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,003	6.4%	834	19.2	1.2
SQC	8,778	9.1%	1,110	71.9	6.4
PVS	5,941	18.4%	3,211	4.1	0.6
SHB	5,848	22.0%	2,761	2.4	0.6
VCG	4,373	2.0%	291	34.0	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.79	-10.4%	(1,503)	-	0.5
ITA	2.63	0.6%	71	89.7	0.5
BVH	2.37	11.3%	1,981	23.2	2.6
OGC	2.03	2.5%	278	38.5	1.0
PVF	1.94	0.7%	76	113.5	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXA	3.19	-48.1%	(4,075)	-	0.2
PVX	3.05	-47.8%	(3,714)	-	0.6
PVL	3.01	-4.9%	(526)	-	0.3
VIG	2.97	10.5%	665	3.6	0.4
S96	2.81	-6.0%	(462)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)